

Số: 4668 /TTKSBT-DVTTYT
Về việc báo giá các trang thiết bị
chuyên môn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm trang thiết bị chuyên môn phục vụ công tác quan trắc môi trường lao động năm 2023 nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố .

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Khoa Dược - VTYT - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố. Địa chỉ: số 366A Âu Dương Lân, phường 03, quận 08, TP. Hồ Chí Minh. Số điện thoại: (028).39242717, 39234629. Line: 176. Email: khoa.duocvtyt.hcdc@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - VTYT - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố, số 366A Âu Dương Lân, Phường 03, Quận 08, TP.HCM.
- Thư báo giá có đóng dấu của đơn vị, bỏ vào phong bì dán kín, đóng dấu niêm phong; ngoài bì thư ghi rõ “Thư báo giá theo yêu cầu báo giá số: 4668 /TTKSBT-DVTTYT ngày 31/10/2023”.
- Nhận qua email: khoa.duocvtyt.hcdc@gmail.com. (Báo giá file mềm)


4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 31 tháng 10 năm 2023 đến trước 16h ngày 13 tháng 11 năm 2023.

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá: Theo danh mục các trang thiết bị đính kèm

- Các thiết bị có nguồn gốc, xuất xứ, nhãn hiệu, thông số kỹ thuật rõ ràng, đầy đủ.
- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của đơn vị cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của đơn vị cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.
- (TBH, 5b).

Giám đốc




Nguyễn Hồng Tâm



DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ CHUYÊN MÔN

(Đính kèm Công văn báo giá số 4668 /TTKSBT-DVTVT
 Về việc báo giá các trang thiết bị chuyên môn - ngày 31 tháng 10 năm 2023)



STT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật, thông số kỹ thuật đề xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy đo điện từ trường	<p>Dùng theo dõi các bức xạ tần số cao</p> <p>Cảm biến loại điện trường</p> <p>Tần số: 10MHz to 8GHz (dải tối ưu 900MHz, 1.800MHz, 2.7GHz, 3.5GHz & 8GHz)</p> <p>Đơn vị đo: mV/m, V/m, μV/m, mA/m, μW/m², W/m², μW/cm², mW/cm².</p> <p>Dải đo:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 20mV/m đến 108.0V/m • 53μA/m đến 286.4mA/m • 1μW/m² đến 30.93W/m² • 0.1μW/cm² đến 3.093mW/cm² <p>Độ phân giải: 0.1mV/m, 0.1μA/m, 0.1μW/m², 0.001μW/cm²</p> <p>Cảnh báo: có thể hiệu chỉnh mức báo động</p> <p>Bộ nhớ: 99 giá trị (bảng tay)</p>	Cái	2
2	Máy đo bức xạ ion	<p>Máy đo độ phóng xạ của toàn vùng bước sóng alpha, beta, gamma và tia X.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu dò Halogen-quenched Geiger-Mueller. Phủ bên ngoài bằng mica có tỉ trọng 1,5-2,0 mg/cm² - Hiện thị kết quả đo bằng màn hình tinh thể lỏng tối thiểu 4 chữ số - Khoảng đo: <ul style="list-style-type: none"> • mR/hr: 0.001-110 mR/hr • μSv/hr: 0.01-1.100 • CPS: 0-3.500 • CPM: 0-350.000 CPM • Tổng: 0-9.999.000 counts • thời gian: 0 ~ 40 giờ - Hiệu chuẩn: Cesium 137 (gamma) - Độ nhạy: 1000 cps/mR/hr (từ bảng Cs-137) - Độ chính xác: \pm 10%, \pm 15% max (chế độ đo μSv/hr hoặc mR/hr) - Người sử dụng có thể điều chỉnh mức báo động đến 50 mR/hr và 160.000 CPM - Đèn đèn sáng màu LED đỏ mỗi lần đếm - Phát tinh hiệu "bíp" mỗi lần đếm (có thể tắt tín hiệu "bíp") - Công tín hiệu ra (output) jack nổi stereo 3,5mm kết nối với máy vi tính hoặc máy tự ghi, hoặc tai nghe - Công tín hiệu vào (input): Jack mono 2,5 mm cho tín hiệu hiệu chuẩn. - Kích thước máy tối đa: cao 150 x rộng 80 x sâu 30 mm - Trọng lượng tối đa: 225 gram - Điện: 1 pin 9V 	Cái	3
3	Máy đo vi khí hậu cầm tay	<p>Độ ẩm: 0 đến 100%RH</p> <p>Nhiệt độ không khí: -22 đến 199°F (-30 đến 100°C)</p> <p>Cấp chính xác: \pm2%RH, \pm1.8°F/1°C</p> <p>Độ phân giải lớn nhất: 0.1%RH, 0.1°F/°C</p> <p>Điểm sương: -22 đến 199°F (-30 đến 100°C)</p> <p>Wet Bulb: 32 đến 176 °F (0 đến 80°C)</p> <p>Kích thước tối đa: 7.8x1.7x1.3" (200x45x33mm)</p> <p>Trọng lượng tối đa: 7oz (200g)</p>	Cái	4
4	Máy đo tốc độ gió	<p>Tốc độ gió:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 0.40 đến 30.00 m/s /0.01 m/s \pm3% • 1.4 đến 108.0 km/h /0.1 km/h \pm3% • 80 đến 5906 ft/min /1 ft/min \pm3% • 0.9 đến 67.2 mph /0.1 mph \pm3% • 0.8 đến 58.3 knots /0.1 knots \pm3% <p>Nhiệt độ không khí: -10 đến 60°C /0.1°C \pm3°C</p> <p>Lưu lượng gió:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 0 đến 9999 CFM (ft³/min) 0.1 • 0 đến 9999 CMM (m³/min) 0.1 • 0 đến 9999 CFM (ft³/min) 0.1 • 0 đến 9999 CMM (m³/min) 0.1 <p>Kích thước/ trọng lượng: 7 x 2.9 x 1.3" (178 x 74 x 33mm)/1.6lbs (700g) (sai số \pm 10%)</p>	Cái	2

Tình năng kỹ thuật, thông số kỹ thuật đề xuất

STT	Danh mục		Đơn vị tính	Số lượng
5	Máy đo nhịp tim	<p>Loại dây đeo cánh tay, thời gian sử dụng của pin tối thiểu 30h Nút bắt/đặt: C6 Kích nối không dây: Bluetooth và ANT+ Điện thoại tương thích: IOS và Android Đèn led: 1 đèn Theo dõi nhịp tim/ Theo dõi lượng Calo/ Theo dõi thời gian vận động : C6</p>	Cái	3
6	Máy lấy mẫu bụi bông	<p>Dải lưu lượng: 7,4 LPM +/- 2% Loại bơm: bơm không dầu Bộ thu mẫu theo chiều dọc: bằng Nhôm, Kích thước bộ thu: đường kính 6" x dài 28" (154mm x 711mm) Nguồn điện sử dụng: 220 volt, 50-60 Hz Bộ Giấy lọc sử dụng 37 mm</p>	Cái	2
7	Máy đo đa khí	<p>Máy đo cùng lúc được 6 loại hơi khí độc khác nhau. + CO: 0 - 500 ppm, độ phân giải: 1ppm + NO2: 0 - 20 ppm, độ phân giải: 0,1ppm + SO2: 0 - 20 ppm, độ phân giải: 0,1ppm + NH3: 0 - 100 ppm, độ phân giải: 1ppm + H2S: 0 - 200 ppm, độ phân giải: 0,1ppm + VOC: 0 - 5000 ppm, độ phân giải: 0,1ppm Tự động bơm test và hiệu chỉnh dây dũ. Dễ dàng được đọc theo thời gian thực tại trung tâm điều khiển. Có thể thay đổi cảm biến nếu cần. Màn hình hiển thị: LCD Nút nhấn bàn phím: 3 phím Mode, Y/+, and N/ Chức năng Datalogging: C6 Thời gian bơm hút mẫu tối thiểu: 250 cc/phút</p>	Cái	4
8	Thiết bị đo nồng độ CO ₂ (trong không khí)	<p>Dải đo: 0 - 10 000 ppm Độ chính xác: ± (100 ppm + 5% giá trị đo). Độ phân giải: 1 ppm Nhiệt độ bảo quản: 0 đến +50 °C Nhiệt độ vận hành: 0 đến +50 °C. Vật liệu cấu tạo: ABS + PC / TPE. Cấp bảo vệ: IP40/IP20. Thời lượng pin tối thiểu: 30 giờ. Cảnh báo âm thanh khi giá trị đo vượt ngưỡng. Lưu trữ và hiển thị dữ liệu đo ngay trên ứng dụng Smart App. Công nghệ cảm biến hồng ngoại với độ ổn định trong thời gian dài. Tính toán giá trị trung bình theo điểm và thời gian.</p>	Cái	4
9	Máy đo ánh sáng	<p>Thang đo: 0 đến 99.999 Độ phân giải (Lux): 1 Lux (0 đến 19.999 Lux), 10 Lux (dải đo còn lại).</p>	Cái	4





STT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật, thông số kỹ thuật để xuất	Đơn vị tính	Số lượng
10	Thiết bị lấy mẫu bụi	<p>Đi kèm Sioulias (Sioulias Five-stage Cascade Impactor) Tốc độ dòng: 9 L/phút 50% điểm cắt tại 9 L/phút: • Giai đoạn A 2,5 µm • Giai đoạn B 1,0 µm • Giai đoạn C 0,50 µm • Giai đoạn D 0,25 µm</p> <p>Bộ lọc PTFE cỡ 37mm, dung dịch PTFE 2,0µm, Cat No 225-1709. Bộ lọc được để xuất cho các giai đoạn: bộ lọc PTFE 25mm, 0,5-µm với PTFE nhiều lớp, Cat No. 225-3708. Gió vận tốc gió: <5 mph. Hoạt động sau khi chạy</p> <p>Nhiệt độ (tối đa): 46,4°F (240°C) dựa trên vòng đệm PMP Tải Particle tối đa: biến đổi theo từng giai đoạn. Impactor Chất liệu: Các tấm và giai đoạn đầu vào/ đầu ra bằng anodized. Niôm hấp chín, O-ring là Buna-N (Nitrile); Đế giữ bằng nhựa acrylic; nén vòng là PTFE. Lưỡi vào bề mặt và lưỡi vào bên trong : 3/8-in OD, ID 1/4-in Đường kính: 3/8-in OD, ID 1/4-in. Kích thước: 3.4 x 2.2 in (8.6x5.6 cm) (sai số ± 10%). Trọng lượng: 5.6 oz (159g) (sai số ± 10%). Ông: 3/8-in ID.</p> <p>Bơm hút mẫu khí: Thiết kế gọn nhẹ, lấy mẫu với lưu tốc cao: 5-15 L/min. Hiện thị và duy trì tốc độ dòng trong suốt chu kỳ lấy mẫu Đèn báo cho quá trình lấy mẫu. Dễ dàng cài đặt thời gian cho việc lấy mẫu. Màn hình hiển thị LCD: lưu tốc, tình trạng pin. Trọng lượng: Xấp xỉ 1 kg (sai số ± 10%). Nguồn dùng: Pin xac Li-Ion</p>	Bộ	2
11	Thiết bị đo nồng độ O ₂ (trong không khí)	<p>Dải đo: 0 ~ 30% Vol; Báo động thấp: 19% Vol; Báo động cao: 23% Vol Loại cảm biến: Điện hóa Đo: Loại khuếch tán (không bơm) Màn hình: LCD Ám thanh: 90dB ở 10cm Đèn cảnh báo: đèn LED nhấp nháy màu đỏ (Điốt phát sáng). Rung: Báo động rung Điện áp danh định: 3,6V / Công suất danh định: 1,2Ah Nhiệt độ và độ ẩm: -40oC ~ + 50oC (đối với chất dẻo) / -35oC ~ + 50oC (đối với O2) 5% ~ 95% rh (không ngưng tụ) Và cao su Kích thước tối đa: 54mm x 91mm x 32mm (D) Nhật ký hoạt động: tối thiểu 30 báo động gần đây.</p>	Cái	1
12	Máy đo tiếng ồn (phần tích lũy)	<p>Thang đo: Dải A: 25-130 dB; Dải C: 33-130 dB; Flat: 38-130 dB; Peak: 143 dB Dải tần số đo: 10 Hz - 20 kHz. Dải phân tích: Octave: 16Hz-16kHz; 1/3 Octave: 12.5Hz-20kHz. Chế độ lưu: Chế độ lưu bằng tay; Chế độ lưu tự động: Auto 1 và Auto 2. Lưu trữ: dữ liệu đo được ghi ở chế độ thông thường hoặc lưu tự động. Microphone: UC-59 Độ nhạy: -27dB +/-2 dB(re 1V/Pa) Bộ tiền khuếch đại NH-23- Nguồn cung cấp: tối đa 4 pin IEC R14P hoặc nguồn cung cấp.</p>	Cái	1



STT	Tên danh mục	Tinh năng kỹ thuật, thông số kỹ thuật đề xuất	Đơn vị tính	Số lượng
13	Máy đếm hạt bụi	<p>Phạm vi nồng độ khối lượng: PM1, PM2.5, PM4, PM7, PM10, và TSP. Đạt nồng độ: 0 – 1.000 g/m³ Thời gian lấy mẫu đo nồng độ: 1 phút. Chế độ đếm hạt bụi: Đạt kích thước hạt bụi: 0,5, 1,0, 5,0 and 10,0 µm (bỏ kênh) Mật độ: 0 – 3.000.000 hạt/khối phút (105.900 hạt/L). Thời gian lấy mẫu: 1 phút. Độ chính xác: ± 10%. Độ nhạy: 0,5 µm. Lưu lượng: 0,1 cfm (2,83 lpm) Nguồn sáng: Laser diode, 90 mW, 780nm. Nguồn cung cấp: pin 7,4V Li-ion hoạt động tối thiểu 20h liên tục. Bộ sạc: 100-240 VAC, 50/60Hz, 0,2A. Giao tiếp máy tính: RS-232, USB. Đạt chứng chỉ: Meets hoặc exceeds CE and ISO 21501. Hiện thị: 16-character x 4-line LCD. Bàn phím: 7-key membrane type. Kích thước tối thiểu phù hợp cầm tay di động. Trọng lượng tối thiểu: nhỏ hơn 01kg.</p>	Cái	4

Handwritten signature or mark.